

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thu Dung

Bà Đỗ Thị Kim Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Cường - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Quang - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25/03/2022, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST-XX ngày 16/05/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HPT ngày 03/06/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HPT ngày 23/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1993 (có mặt)

Trú tại: Thôn P, xã H, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn P, xã H, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

NHÂN THẤY

Trong đơn ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

- Về tình cảm: Chị T và anh Nguyễn Hữu Đ kết hôn tháng 02/2016, có tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và lối sống, không còn tin tưởng nhau. Vợ chồng đã ly thân khoảng gần năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai nữa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 23/03/2017; Cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/12/2018 và cháu Nguyễn Nhật D,

sinh ngày 05/12/2019. Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D; Giao cháu N và cháu D cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là anh Nguyễn Hữu Đ nhưng không có kết quả nên phải niêm yết Giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: chị T vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định từ Điều 198 đến Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương 6 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nên Hội đồng xét xử ra bản án vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 - Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc nội dung vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật D (dưới 36 tháng tuổi) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Phương N và cháu Nguyễn Ngọc D cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp:** Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Phương T và chị Nguyễn Hữu Đ là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn". Do chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Hữu Đ có đăng ký nhân khẩu thường trú, sinh sống tại Thôn P, xã H, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. **Về sự vắng mặt của đương sự:** Bị đơn là anh Nguyễn Hữu Đ trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX quyết định

xét xử và ra bản án vắng mặt anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị Phương T và chị Nguyễn Hữu Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) vào ngày 16/02/2016. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân khoảng 01 năm nay và không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ anh Đ để hòa giải nhưng anh Đ vẫn vắng mặt. Đến nay, chị T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú cũng xác nhận, anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng không báo cáo nên chính quyền địa phương không biết rõ nguyên nhân và không tổ chức hòa giải được. HĐXX thấy mâu thuẫn của anh chị đã căng thẳng, khả năng đoàn tụ là không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: chị T và anh Đ có 03 con chung là cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 23/03/2017; Cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/12/2018 và cháu Nguyễn Nhật D, sinh ngày 05/12/2019. Hiện nay, cả ba cháu đang sinh sống cùng gia đình anh Đ. Chị T đề nghị tiếp tục giao cháu N và cháu D cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án xem xét việc đóng góp nuôi con chung. Xét đề nghị của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật D là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật (do cháu chưa đủ 36 tháng tuổi), chị T có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định. Các cháu N và D từ khi anh chị ly thân đến nay vẫn ở cùng gia đình anh Đ và phát triển bình thường. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung và quan điểm của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật D, (sinh ngày 05/12/2019 đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi) và giao hai cháu Nguyễn Phương N, Nguyễn Ngọc D cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị T và anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật;

[5]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Các Điều 35; 39; 147; 227; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Các Điều 56; 57; 58; 71; 81; 82 và Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T. Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

2. Về con chung: xác nhận chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Hữu Đ có 03 con chung là cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 23/03/2017; Cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 30/12/2018 và cháu Nguyễn Nhật D, sinh ngày 05/12/2019. Giao cháu Nguyễn Phương N và cháu Nguyễn Ngọc D cho anh Nguyễn Hữu Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N và cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Giao cháu Nguyễn Nhật D cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị Phương T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của anh Nguyễn Hữu Đ và chị Nguyễn Thị Phương T được pháp luật đảm bảo.

3. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2020/22799 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín.

5. Về kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.

- VKSND thành phố Hà Nội.

- VKSND huyện Thường Tín.

- Chi cục THA huyện Thường Tín.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- UBND xã H.
- Dương sự.
- Lưu.

Phạm Trung Hòa